Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Địa chỉ: 282 Lê Văn Sỹ, P01, Q.Tân Bình, TPHCM

Mẫu số B 02-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	281.880.989.635	212.300.513.178
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	23.751.241.541	10.197.291.763
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	258.129.748.094	202.103.221.415
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	154.861.104.494	134.505.807.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		103.268.643.600	67.597.414.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4.689.773.908	4.558.023.291
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	1.927.844.964	3.096.345.970
- *Trong đó : Chi phí lãi vay*	*23*		*443.089.790*	*781.119.872*
8. Chi phí bán hàng	24		21.531.695.313	15.641.258.652
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.025.784.189	19.707.672.468
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		55.473.093.043	33.710.160.205
11. Thu nhập khác	31		695.142.431	60.290.048
12. Chi phí khác	32		-	36.272.697
13. Lợi nhuận khác : (40=31-32)	40		695.142.431	24.017.351
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50=30+40)	50		56.168.235.474	33.734.177.556
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	5.625.077.115	3.413.577.169
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : (60=50-51-52)	60		50.543.158.358	30.320.600.387
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5.086	3.044

Lập ngày 20 tháng 01 năm 2010

Lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Lê Tôn Hùng	*Nguyễn Tiến Hiệp*	*Hàng Phi Quang*